

Số: 60/2024/QĐST-DS

Chiêm Hóa, ngày 25 tháng 9 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH toà: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tấn;
2. Ông Bùi Mạnh Hùng.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 90/2023/TLST- DS ngày 24 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Tại phần thủ tục bắt đầu pH tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Những nội dung các đương sự thống nhất thỏa thuận được với nhau như sau:

1. Di sản thừa kế của cụ Trần X K và cụ Nguyễn Thị T là quyền sử dụng diện tích đất 675,9 m² tại tổ Vĩnh G, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc hiện trạng ngày 06/8/2024 (*trên đất có vật kiến trúc là nhà sàn gỗ, nhà bếp xây tường, công trình phụ và các cây mọc trên đất là tài sản của bà Phạm Thị C*). Di sản của cụ Trần X K và cụ Nguyễn Thị T có giá trị là 1.346.131.902 đồng.

2. Những người được hưởng di sản thừa kế:

- Những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Trần X K, gồm: Cụ Nguyễn Thị T, bà Trần Thị T, ông Trần Thanh X, ông Trần Quang L.
- Những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T gồm: Bà Phạm Thị C, ông Trần Quang L.

3. Chia giá trị di sản thừa kế của cụ Trần X K là 1/2 quyền sử dụng đất 675,9 m² tại tổ Vĩnh G, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang, có giá trị là 673.065.951 đồng.

- Ông Trần Thanh X, bà Trần Thị T mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế trị giá là 134.613.190 đồng.

- Cụ Nguyễn Thị T, ông Trần Quang L mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế và 1/4 kỷ phần thừa kế (công sức tôn tạo, quản lý di sản), trị giá là 134.613.190 đồng + 33.653.298 đồng = 168.266.488 đồng.

- Bà Phạm Thị C được hưởng 1/2 kỷ phần thừa kế (công sức tôn tạo, quản lý di sản), trị giá là 67.306.595 đồng.

4. Chia giá trị di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T, gồm: 1/2 quyền sử dụng đất 675,9 m² tại tổ Vĩnh G, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang, có giá trị 673.065.951 đồng + 01 kỷ phần thừa kế của cụ Trần X K + 1/4 kỷ phần thừa kế (công sức tôn tạo, quản lý di sản của cụ Trần X K), giá trị là 841.332.439 đồng.

- Ông Trần Quang L được hưởng một kỷ phần thừa kế và 1/3 kỷ phần thừa kế (công sức tôn tạo, quản lý di sản), trị giá là 280.444.146 đồng + 93.481.382 đồng = 373.925.528 đồng.

- Bà Phạm Thị C được hưởng một kỷ phần thừa kế và 2/3 kỷ phần thừa kế (công sức tôn tạo, quản lý di sản), trị giá là 280.444.146 đồng + 186.962.764 đồng = 467.406.910 đồng.

5. Chia giá trị di sản thừa kế của ông Trần Quang L, gồm: 01 kỷ phần thừa kế của cụ Trần X K + 01 kỷ phần thừa kế của cụ Nguyễn Thị T + 1/4 kỷ phần thừa kế (công sức tôn tạo, quản lý di sản của cụ Trần X K) + 1/3 kỷ phần thừa kế (công sức tôn tạo, quản lý di sản của cụ Nguyễn Thị T), trị giá là 542.192.016 đồng

Bà Phạm Thị C, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Đ mỗi người được hưởng 1/3 giá trị di sản thừa kế của ông Trần Quang L là 180.730.672 đồng.

6. Chia giá trị di sản thừa kế của ông Trần Thanh X là kỷ phần thừa kế di sản của cụ Trần X K, trị giá là 134.613.190 đồng.

Bà Trần Thu H, bà Vũ Thị S, anh Trần Văn D mỗi người được hưởng 1/3 giá trị di sản thừa kế của ông Trần Thanh X là 44.871.063 đồng.

7. Các đương sự thống nhất, thoả thuận được với nhau về toàn bộ chi phí tố tụng khác, án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1948. Địa chỉ: Công ty xây dựng số, xã Hải B, huyện Đông A, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T: Bà Trần Thu H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố Vĩnh L, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.

+ Bà Trần Thu H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố Vĩnh L, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị C, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ dân phố Vĩnh G, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị C:

+ Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn An P, xã Tân T, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.

+ Ông Ngô Quang Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ dân phố Tân T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

+ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1998. Địa chỉ: Xóm G, xã Nghi Y, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ Vĩnh G, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.

+ Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn An P, xã Tân T, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.

+ Ông Trần Văn D, sinh năm 1979 và bà Vũ Thị S, sinh năm 1956; cùng địa chỉ: Tổ Vĩnh L, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn D và bà Vũ Thị S: Bà Trần Thu H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố Vĩnh L, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Giao cho bà Phạm Thị C được quyền sở hữu, sử dụng quyền sử dụng diện tích đất 675,9 m² tại tổ Vĩnh G, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang được giới hạn bởi các điểm 1.2.3.4.5.6.7.8.9.1, trong đó có 38,8m² đất nằm trong chỉ giới quy hoạch đường giao thông có giá trị là 1.346.131.902đ (Một tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu một trăm ba mươi một nghìn chín trăm linh hai đồng) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. *(Có mảnh trích đo hiện trạng kèm theo).*

Bà Phạm Thị C có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục về đất đai theo quy định.

2.2. Nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch tài sản thừa kế:

- Bà Phạm Thị C có nghĩa vụ thanh toán số tiền chênh lệch tài sản thừa kế cho bà Trần Thị H, bà Trần Thị Đ mỗi người số tiền là 180.730.672đ (Một trăm tám mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng).

- Bà Phạm Thị C có nghĩa vụ thanh toán số tiền chênh lệch tài sản thừa kế cho bà Trần Thu H, bà Vũ Thị S, ông Trần Văn D mỗi người số tiền là 44.871.063đ (Bốn mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi một nghìn không trăm sáu mươi ba đồng).

- Bà Phạm Thị C có nghĩa vụ thanh toán số tiền chênh lệch tài sản thừa kế cho bà Trần Thị T số tiền là 134.613.190đ (Một trăm ba mươi tư triệu sáu trăm mười ba nghìn một trăm chín mươi đồng).

2.3. Về chi phí tố tụng khác:

- Bà Trần Thu H phải chịu chi phí tố tụng là 189.330đ (Một trăm tám mươi chín nghìn ba trăm ba mươi đồng). Bà H đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí xong.

- Bà Vũ Thị S, ông Trần Văn D mỗi người phải chịu chi phí tố tụng là 189.330đ (Một trăm tám mươi chín nghìn ba trăm ba mươi đồng). Bà Trần Thu H đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí xong nên bà Vũ Thị S, ông Trần Văn D mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thu H số tiền là 189.330đ (Một trăm tám mươi chín nghìn ba trăm ba mươi đồng);

- Bà Trần Thị T phải chịu chi phí tố tụng là 567.989đ (Năm trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi chín đồng). Bà Trần Thu H đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí xong nên bà Trần Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thu H số tiền là 567.989đ (Năm trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi chín đồng);

- Bà Phạm Thị C phải chịu chi phí tố tụng là 3.018.757đ (Ba triệu không trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng). Bà Trần Thu H đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí xong nên bà Phạm Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thu H số tiền là 3.018.757đ (Ba triệu không trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng);

- Bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị H phải chịu chi phí tố tụng là 762.578đ (Bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng). Bà H đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí xong nên bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị H mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thu H số tiền là 762.578đ (Bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.4. Về án phí :

- Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Trần Thị T, bà Vũ Thị S, bà Phạm Thị C.

- Bà Trần Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.243.553đ (Hai triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm năm mươi ba đồng). Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.756.447đ (Hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng) theo theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00000803748 ngày 24/11/2023 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001508 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa.

- Ông Trần Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.243.553đ (Hai triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm năm mươi ba đồng).

- Bà Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.036.534đ (Chín triệu không trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi tư đồng).

- Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.036.534đ (Chín triệu không trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi tư đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA

Hoàng Văn Tấn

Bùi Mạnh Hùng

Hoàng Mạnh Tuấn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa (02 bản);
- CCTHADS huyện Chiêm Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA**

Hoàng Mạnh Tuấn